TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QO** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2020/QĐST-HNGĐ	*QO, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020. Giữa:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị L** sinh năm 1993

ĐKHKTT và nơi ở : Thôn C, xã Đ, huyện QO, thành phố Hà Nội

Bị đơn: **Anh Bùi Văn H** sinh năm 1989

ĐKHKTT và nơi ở: Thôn C, xã Đ, huyện QO, thành phố Hà Nội

Căn cứ các điều 28, điều 35, điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị L và anh Bùi Văn H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Bùi Thị L sinh ngày 03/7/2010 và cháu Bùi Ngọc T sinh ngày 18/11/2013. Khi ly hôn chị L và anh H thỏa thuận giao anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu L và cháu T đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn phần cấp dưỡng nuôi con cho chị L cho đến khi có quyết định khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010975 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO;
- UBND xã Đ;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Phong